

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH AN GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2025/DS-PT

Ngày 30 tháng 7 năm 2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà;

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ và ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (Cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn (Nay là khu vực 10), tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2025/QĐPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Trung B, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Ấp N T, xã H Đ, tỉnh T N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1988, nơi cư trú: ấp T B, xã A Ph, tỉnh Đ Th là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/6/2024 (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Bà Dương Thị Hồng Ph, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Ấp VH, xã V Tr, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Trung Ch, sinh năm 1970, nơi cư trú: tổ 29, ấp L B, xã L Đ, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 16/8/2024 (Vắng mặt).

2.2 Ông Dương Trọng H, sinh năm 2001 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Tr B T, xã V Tr, tỉnh AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Trần Văn L, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B H, phường B Đ, tỉnh AG.

3.2 Bà Phan Dương Lan H, sinh năm 2002 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Tr B T, xã V Tr, tỉnh AG.

3.3 Bà Nguyễn Thị Tiền Gi, sinh năm 1995 (Vắng mặt);

Nơi làm việc: Công ty TNHH MTV Dương Hồng Ph, địa chỉ: Tổ 13, ấp V H, xã V Kh, tỉnh AG.

4. Người kháng cáo: Ông Trần Trung B là nguyên đơn và bà Dương Thị Hồng Ph là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Trần Trung B ủy quyền cho bà Trần Thị H trình bày:

Từ ngày 25/4/2024 đến ngày 30/4 2024, bà Dương Thị Hồng Ph và ông Dương Trọng H đến nhà ông Trần Trung B để thu mua cá ao, tổng số lượng cá mua bán tính thành tiền là 1.800.000.000 đồng. Do trước đây hai bên là chỗ mua bán quen biết với nhau nên ông B đồng ý cho bà Ph trả trước 700.000.000 đồng, còn lại cho nợ vài ngày sau trả. Sau đó, không thấy bà Ph trả tiền nên ông B đã yêu cầu bà Ph tự viết lại cho ông Biên nhận ngày 12/6/2024 với nội dung nợ tiền mua cá là 1.100.000.000 đồng, ngoài ra bà Ph còn cam kết sẽ cố gắng trả sớm cho ông B. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà Ph không thực hiện đúng cam kết về việc trả tiền mua cá còn nợ. Ông B đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà Ph trả tiền nhưng bà Ph không đồng ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Giữa bà Ph và ông H có sự hợp tác cùng làm ăn với nhau trong việc đi mua cá rồi chở bán cho thương lái kiếm lời. Thực tế tại các lần mua bán, ông H là người trực tiếp điều xe, cân cá, chở cá đi. Như vậy, ông H là người trực tiếp tham gia là bên mua cá trong giao dịch mua bán cá với ông B. Do đó, cần xác định ông H và bà Ph cùng là bên mua, ông H và bà Ph phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua cá cho ông B.

Ông B khởi kiện yêu cầu bà Ph và ông H liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông B số tiền mua cá còn thiếu là 1.100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là bà Dương Thị Hồng Ph trình bày:

Ông Dương Trọng H là con rể của bà Ph, giữa ông H và bà Ph không làm ăn chung. Giữa bà Ph và ông B không phát sinh giao dịch mua bán cá mà ông H là người trực tiếp mua bán cá với ông B. Chữ ký và chữ viết trong Biên nhận ngày 12/6/2024 là của bà Ph. Bà Ph viết biên nhận thể hiện đây là nợ của ông H, bà chỉ xác nhận nợ giúp vì ông H là con rể của bà. Bà Ph là chủ Công ty TNHH Dương Hồng Ph, ông H không giữ vai trò gì trong công ty, việc ông H và ông B mua bán độc lập làm ăn riêng với nhau.

Vì vậy, bà Ph không đồng ý trả số tiền 1.100.000.000 đồng, đây là nợ của cá nhân ông H thì tự ông H phải trả.

Bị đơn là ông Dương Trọng H trình bày:

Bà Ph là mẹ vợ của ông H. Ông H không thực hiện việc mua bán cá với ông B, việc mua bán cá là giao dịch giữa ông B (người nuôi cá) với bà Ph. Ông H chỉ phụ giúp bà Ph trong việc làm ăn, không có hưởng lương mà bà Ph cho bao nhiêu thì cho, vì hai vợ chồng ông H sống chung với bà Ph. Trong việc mua bán cá, ông H chỉ biết thực hiện theo chỉ đạo của bà Ph, thực hiện các việc sau: Đến nơi bán cá để cân cá và nhận cá đem về giao lại công ty. Thỏa thuận số lượng cá mua bán, giá cả, thanh toán như thế nào là do bà Ph quyết định, bà Ph là người trả tiền cho người bán cá. Ông H có thông báo giá cá cho người nuôi cá cũng theo chỉ đạo của bà Ph. Việc thông báo giá cá có khi là do ông H, có khi là bà Ph.

Ngày 25/4 2024 và ngày 30/4/2024, ông H trực tiếp điều xe và đến cân cá tại ao nuôi của nhà ông B, tổng số tiền mua bán là 1.800.000.000 đồng, bà Ph đã trả cho ông B 700.000.000 đồng, còn lại nợ hiện nay vẫn chưa trả. Số lượng cá ông H nhận của ông B thì ông H đã chở đi bán cho bên thứ ba theo yêu cầu của bà Ph và số tiền bán được do bên thứ ba thanh toán cho bà Ph, ông H không trực tiếp nhận số tiền trên.

Lúc đó, bà Ph kêu vợ chồng ông H và bà Phan Dương Lan H mở tài khoản ngân hàng. Tài khoản ngân hàng này do bà H và bà Ph quản lý, bà Ph kêu chuyển tiền đi đâu thì bà H chuyển đi đó. Còn đối với việc chuyển tiền cho ông Trần Trung B là do bà Ph và bà H thực hiện từ tài khoản của họ theo chỉ đạo của bà Ph, nội dung ghi cũng theo chỉ đạo của bà Ph mà ông H hoàn toàn không biết. Bà Ph đã viết biên nhận nợ cho ông B, chứ nếu ông H là người mua cá thì ông B phải tìm ông H bắt viết biên nhận, chứ không thể đồng ý để bà Ph viết biên nhận.

Do đó, ông H yêu cầu bà Ph có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho ông B mà ông H không liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn L, bà Phan Dương Lan H, bà Nguyễn Thị Tiền Gi đều không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn (Nay là khu vực 10), tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung B đối với bà Dương Thị Hồng Ph.

Buộc bà Dương Thị Hồng Ph có nghĩa vụ trả cho ông Trần Trung B số tiền 1.100.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung B đối với ông Dương Trọng H về việc liên đới với bà Dương Thị Hồng Ph trả số tiền mua cá còn nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Trung B phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0014001 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (Nay là khu vực 10). Ông Trần Trung B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.200.000 đồng.

Bà Dương Thị Hồng Ph phải nộp 45.000.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 5 năm 2025 ông Trần Trung B nộp đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: xác định bà Dương Thị Hồng Ph và ông Dương Trọng H là bên mua cá của ông, trên cơ sở đó quyết định bà Ph và ông H có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền mua cá cho ông theo yêu cầu khởi kiện.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 bà Dương Thị Hồng Ph nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 11/7/2025 bà Ph có Đơn xin rút yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Dương Thị Hồng Ph; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung B; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn (Nay là khu vực 10).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Trần Trung B và bà Dương Thị Hồng Ph kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của các ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Ông Trần Trung B ủy quyền cho bà Trần Thị H theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/6/2024; Bà Dương Thị Hồng Ph ủy quyền cho ông Hồ Trung Ch theo Giấy ủy quyền ngày 16/8/2024. Sự ủy quyền của các đương sự phù hợp với Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Dương Thị Hồng Ph ủy quyền cho ông Hồ Trung Ch, ông Trần Văn L, bà Phan Dương Lan H, bà Nguyễn Thị Tiên Giang đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Ph, vào ngày 11/7/2025 bà Ph có Đơn xin rút yêu cầu kháng cáo. Việc bà Ph xin rút yêu cầu kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Ph.

[3] Về kháng cáo của ông B, Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày 25/4/2024 đến ngày 30/4/2024 ông B bán cá cho bà Ph với tổng số tiền 1.800.000.000 đồng và đã thanh toán được 700.000.000 đồng, còn lại 1.100.000.000 đồng chưa thanh toán. Ông B cho rằng ông H là người trực tiếp điều xe, cân cá và chở cá đi nên ông H là người trực tiếp tham gia mua cá của ông B nên ông B yêu cầu bà Ph và ông H cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 1.100.000.000 đồng. Ông H không thừa nhận mua cá của ông B mà ông H là người làm giúp bà Ph nhận cá, còn việc mua cá của ông B là do bà Ph thỏa thuận thực hiện, ông H không đồng ý cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Ph thanh toán cho ông B số tiền 1.100.000.000 đồng. Xét quá trình mua bán, ông B cho rằng ông H không trực tiếp thỏa thuận mua bán và trả tiền mua cá mà tiền mua cá được chuyển trả từ tài khoản của bà Phan Dương Lan H (con gái bà Ph, vợ của ông H) và bà Ph, nội dung chuyển tiền là "hau chuyen tien ca anh bao" nhưng ông H không thừa nhận số tiền này do ông H chuyển trả và việc chuyển trả không được thực hiện từ tài khoản của ông H. Bà Ph và bà H đều không cung cấp ý kiến về lý do số tiền chuyển trả được chuyển từ tài khoản của các bà. Vì vậy, không có căn cứ xác định ông H là người mua cá của ông B và đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông B. Bà Ph thừa nhận Biên nhận ngày 12/6/2024 do bà tự viết, ký tên và ghi họ tên thừa nhận có mua cá của anh B còn nợ số tiền 1.100.000.000 đồng và tại Tờ tự khai (Bút lục số 34) bà Ph đồng ý trả cho ông B số tiền 1.100.000.000 đồng nên Bản án sơ thẩm đã buộc bà Ph phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông B số tiền 1.100.000.000 đồng là có căn cứ. Ông B kháng cáo cho rằng bà Ph và ông H cùng là người mua cá của ông nhưng ông H không thừa nhận và ông B không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Ph rút đơn kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên bà Ph phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp nên bà Ph còn được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn (Nay là khu vực 10) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Khoản 1, khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Hồng Ph.

3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Trung B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn (Nay là khu vực 10), tỉnh An Giang.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung B đối với bà Dương Thị Hồng Ph.

Buộc bà Dương Thị Hồng Ph có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Trung B số tiền 1.100.000.000 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung B yêu cầu ông Dương Trọng H cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Dương Thị Hồng Ph thanh toán số tiền 1.100.000.000 đồng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1 Ông Trần Trung B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào số tiền 22.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014001 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (Nay là khu vực 10). Ông Trần Trung B còn được nhận lại số tiền 22.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

6.2 Bà Dương Thị Hồng Ph phải chịu 45.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

7.1 Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0022011 ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (Nay là khu vực 10).

7.2 Bà Dương Thị Hồng Ph phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0021275 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (Nay là khu vực 10) nên bà Ph còn được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Khu vực 10;
- Phòng THA DS Khu vực 10;
- Tòa Dân sự;
- Phòng GDKT TT và THA;
- Lưu: hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao `Minh Lễ

Đào Chí Keo

Trần Thị Thúy Hà